

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kỳ báo cáo: 9 tháng năm 2009

ĐVT: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này (9T/2009)	Kỳ trước (9T/2008)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	297,710,751,544	231,102,108,934
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	1,477,057,586	24,836,054
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.27	296,233,693,958	231,077,272,880
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	256,198,832,188	193,491,526,437
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		40,034,861,770	37,585,746,443
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	18,780,417,650	16,324,402,898
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	3,079,638,056	15,876,551,109
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2,257,373,896	1,029,757,529
8. Chi phí bán hàng	24		381,808,694	586,100,906
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		21,075,866,625	18,725,811,393
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		34,277,966,045	18,721,685,933
11. Thu nhập khác	31		1,479,622,719	154,072,919
12. Chi phí khác	32		7,838,405	448,386,454
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1,471,784,314	(294,313,535)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		35,749,750,359	18,427,372,398
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	8,245,118,054	1,398,631,435
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.32	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		27,504,632,305	17,028,740,963
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		3,430	

Lập biểu

VƯƠNG TRẦN QUỐC THANH

Kế toán trưởng

LÊ VĂN MINH

TP HCM ngày 20 tháng 10 năm 2009

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

LÊ TẤN PHƯỚC